

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1 xã Ia Toi (Giai đoạn 2)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐND ngày 24/4/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Ia H'Drai về việc giao Ủy ban nhân dân huyện Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C.

Xét Báo cáo số 133/BC-BQL ngày 07/8/2020 và Tờ trình số 99/TTr-BQL ngày 07/8/2020 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện; Báo cáo số 81/BCTĐ-PTCKH ngày 12/8/2020 của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện khóa X, kỳ họp giải quyết công việc đột xuất xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1 xã Ia Toi (Giai đoạn 2), cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1 xã Ia Toi (Giai đoạn 2), với các nội dung chủ yếu như sau:

2. Mục tiêu đầu tư: Từng bước xây dựng hoàn thiện mạng lưới giao thông, cơ sở hạ tầng khu vực nhằm tạo điều kiện mở rộng không gian, bố trí, sắp xếp dân cư. Là tiền đề để phát triển kinh tế xã hội cho khu vực dự án thông qua việc kết nối giao thông giữa với các trục giao thông chính của huyện. Góp phần khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên, khai thác tiềm năng quỹ đất cho mục tiêu phát triển cơ sở hạ

tăng kỹ thuật; nâng cao đời sống của người dân trên địa bàn xã Ia Toi và huyện Ia H'Drai nói chung.

3. Quy mô đầu tư:

a. Tuyến đường:

- Tổng chiều dài tuyến: $L=644,67\text{m}$.
- Bề rộng nền: $B_n=6,0\text{m}$.
- Bề rộng mặt đường: $B_m=3,5\text{ m}$. Kết cấu mặt đường:
 - + Bê tông xi măng M250, đá 1x2, dày 18cm;
 - + Lót lớp giấy dầu;
 - + Cấp phối đá dăm $D_{max}25$ dày 15cm;
- Bề rộng lề đất $B_{ld}=2 \times 1,25=2,5\text{m}$.
- Vận tốc thiết kế: $V_{tk}=20\text{Km/h}$.
- Độ dốc mái taluy nền đào 1:1; mái taluy nền đắp 1:1,5.
- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m=2\%$; lề đất $i_l=4\%$.

b. Công trình thoát nước ngang.

- Tần suất lũ thiết kế: $P=4\%$.
- Tải trọng thiết kế: H13-XB60.
- Khổ cống: Phù hợp khổ nền đường

c. Công trình thoát nước dọc. Rãnh dọc bằng đất hình thang, kích thước (40x40x120)cm đoạn có độ dốc <6%, tại các vị trí có độ dốc dọc lớn, dốc dài liên tục, rãnh được gia cố bằng bê tông.

d. An toàn giao thông. Thiết kế biển báo... theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41:2019/BGTVT.

e. Nút giao. Nút giao cùng mức, vượt nổi êm thuận tại các vị trí giao cắt.

4. Dự án, loại, cấp công trình:

- Dự án: Nhóm C
- Loại công trình: Công trình giao thông.
- Cấp công trình: Cấp IV.

5. Tổng mức đầu tư của dự án: 4.200.000.000 (Bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm triệu đồng), trong đó

+ Chi phí xây dựng:	3.602.611.000 đồng;
+ Chi phí quản lý dự án:	96.157.000 đồng;
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	346.773.000 đồng;
+ Chi phí khác:	53.108.000 đồng;
+ Dự phòng:	101.351.000 đồng.

(Chi tiết có Bảng tổng hợp khai toán tổng mức đầu tư đính kèm)

6. Cơ cấu nguồn vốn: Nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối.

7. Địa điểm thực hiện: Xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum..

8. Thời gian thực hiện: Từ năm 2020.

9. Tiến độ thực hiện dự án:

- Thời gian chuẩn bị đầu tư: Từ quý III/2020.
- Thời gian thực hiện đầu tư: Từ năm 2020 trở đi.

10. Hình thức đầu tư dự án: Đầu tư mới.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 17/8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai.

Kính trình Hội đồng nhân dân huyện khóa X, kỳ họp giải quyết công việc đột xuất lần thứ 10 xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu VT-LT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Văn Nhàng

BẢNG TỔNG HỢP KHÁI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**Công trình: Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1 xã Ia Tơi (Giai đoạn 2)***(Kèm theo Tờ trình số /TTr -UBND ngày /8/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)**Đvt: Đồng*

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	CP XD trước thuế	Thuế VAT	Tổng cộng
1	Chi phí xây dựng (*)	Bảng tính	3.275.100.909	327.510.091	3.602.611.000
2	Chi phí quản lý dự án (*)	2,936%*Gxd	96.157.000		96.157.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng làm tròn (*)	Gtv1 : Gtv6	315.248.182	31.524.818	346.773.000
3.1	<i>Chi phí khảo sát</i>	<i>Tạm tính</i>	<i>72.727.273</i>	<i>7.272.727</i>	<i>80.000.000</i>
3.2	<i>Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật</i>	<i>3,48%*Gxd</i>	<i>115.283.574</i>	<i>11.528.357</i>	<i>126.811.931</i>
3.3	<i>Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công</i>	<i>0,17%*Gxd</i>	<i>5.567.673</i>	<i>556.767</i>	<i>6.124.440</i>
3.4	<i>Chi phí thẩm tra dự toán công trình</i>	<i>0,166%*Gxd</i>	<i>5.436.669</i>	<i>543.667</i>	<i>5.980.335</i>
3.5	<i>Chi phí giám sát thi công xây dựng</i>	<i>3,203% x Gxd</i>	<i>104.901.502</i>	<i>10.490.150</i>	<i>115.391.652</i>
3.6	<i>Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp</i>	<i>0,346% x Gxd</i>	<i>11.331.851</i>	<i>1.133.185</i>	<i>12.465.036</i>
4	Chi phí khác làm tròn (*)	Gk1 : Gk6	49.288.781	3.819.636	53.108.000
4.1	<i>Chi phí thẩm định báo cáo KT-KT</i>	<i>0,019%*TM</i>	<i>380.001</i>		<i>380.001</i>
4.2	<i>Chi phí thẩm định thiết kế (Thông tư 210/2016/TT-BTC)</i>	<i>0,0327% x Gxd1</i>	<i>1.070.957</i>	<i>107.096</i>	<i>1.178.053</i>

4.3	<i>Chi phí thẩm định dự toán (Thông tư 210/2016/TT-BTC)</i>	$0,0318\% \times Gxd$	1.041.482	104.148	1.145.631
4.4	<i>Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	$0,57\% * 0,5 * (1+2+3+4+5)$	10.712.415		10.712.415
5.5	<i>Chi phí kiểm toán công trình</i>	$0,96\% * (1+2+3+4 + 5)$	36.083.925	3.608.393	39.692.318
6	Chi phí dự phòng (*)				101.351.000
	TỔNG CỘNG				4.200.000.000

Ghi chú: Nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối.